

Câu 13. Tìm x , biết $x : 0,112 = \frac{1}{5}$

- A. 0,022; B. 0,0224; C. 0,0448; D. 0,044.

Câu 14. Cho $20^n : 5^n = 4$. Giá trị của n là:

- A. $n=0$; B. $n=3$; C. $n=2$; D. $n=1$.

Câu 15. Trong các phân số sau, phân số nào biểu diễn được dưới dạng số thập phân hữu hạn?

- A. $\frac{5}{12}$; B. $\frac{6}{7}$; C. $\frac{-7}{8}$; D. $\frac{-3}{13}$.

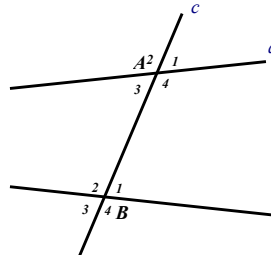
Câu 16. Trong các phân số sau, phân số nào biểu diễn được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn?

- A. $\frac{5}{12}$; B. $\frac{7}{10}$; C. $\frac{-5}{10}$; D. $\frac{-7}{4}$.

Câu 17. Cho định lí “Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau”. Giả thiết của định lí là:

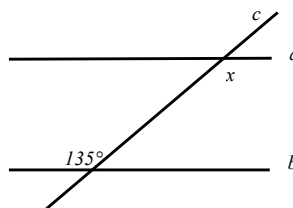
- A. Hai đường thẳng phân biệt;
B. Cùng song song với đường thẳng thứ ba;
C. Chúng song song với nhau;
D. Hai đường thẳng phân biệt song song với một đường thẳng thứ ba.

Câu 18. Đường thẳng c cắt hai đường thẳng a và b tại hai điểm A và B được đánh số như hình vẽ. Tìm khẳng định **đúng**?



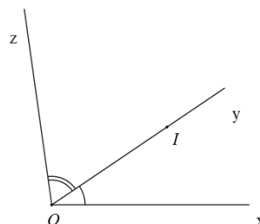
- A. Hai góc A_4 và B_2 được gọi là hai góc so le trong;
B. Hai góc A_3 và B_1 được gọi là hai góc đồng vị;
C. Hai góc A_2 và B_1 được gọi là hai góc so le ngoài ;
D. Hai góc A_4 và B_4 được gọi là hai góc trong cùng phía.

Câu 19. Cho $a \parallel b$, số đo x trên hình vẽ bằng



- A. 45° ; B. 90° ; C. 135° ; D. 180° ;

Câu 20. Cho hình vẽ, chọn kết quả đúng.



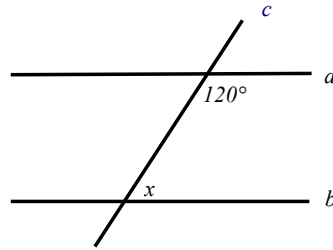
A. $\widehat{xOz} + \widehat{yOz} = \widehat{xOy}$;

B. $\widehat{xOy} + \widehat{xOz} = \widehat{yOz}$;

C. $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$;

D. $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{yOz}$.

Câu 21. Cho hình vẽ, để $a // b$ thì số đo x bằng



A. 120° ;

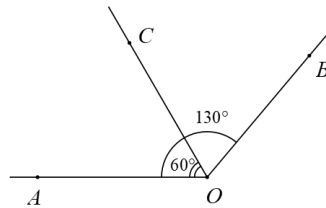
B. 30° ;

C. 60° ;

D. 180° ;

Câu 22. Cho $\widehat{AOB} = 130^\circ$. Lấy điểm C nằm trong \widehat{AOB} sao cho $\widehat{AOC} = 60^\circ$.

Số đo \widehat{BOC} là:



A. 60° ;

B. 70° ;

C. 90° ;

D. 130° ;

Câu 23. Cho Oz là tia phân giác của \widehat{xOy} . Biết $\widehat{xOz} = 50^\circ$, số đo của \widehat{yOz} bằng

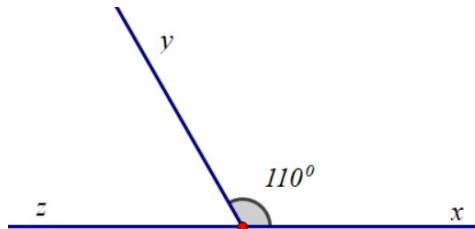
A. 25° ;

B. 50° ;

C. 75° ;

D. 100° .

Câu 24. Số đo \widehat{yOz} trong hình là:



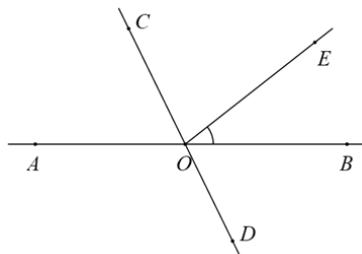
A. 70° ;

B. 110° ;

C. 55° ;

D. 180° .

Câu 25. Cho hình dưới, góc nào kề bù với \widehat{BOE} ?



A. \widehat{EOC} ;

B. \widehat{AOE} ;

C. \widehat{BOD} ;

D. \widehat{AOC} ;

II. PHẦN TỰ LUẬN

1. Đại số

Dạng 1: Thực hiện phép tính

Bài 1. Thực hiện phép tính hợp lí (nếu có thể)

a) $\frac{11}{24} - \frac{5}{41} + \frac{13}{24} - \frac{36}{41}$;

b) $-\frac{4}{3} + \frac{1}{3} : (-1,5)$;

c) $\frac{-5}{9} \cdot \frac{13}{28} - \frac{13}{28} \cdot \frac{4}{9}$;

$$d) \frac{13}{25} - \frac{11}{4} - \frac{38}{25} + \frac{15}{4} + \frac{1}{2}; \quad e) \frac{-7}{9} \cdot \frac{3}{13} + \frac{-7}{9} \cdot \frac{10}{13} + 1\frac{7}{9}; \quad f) \frac{-4}{13} \cdot \frac{5}{17} + \frac{4}{13} \cdot \frac{-11}{17} + \frac{4}{13}.$$

Bài 2. Thực hiện phép tính:

$$a) \left(-\frac{1}{7}\right)^0 - 2\frac{4}{9} + \left(-\frac{2}{3}\right)^2;$$

$$b) \left(\frac{5}{2} - \frac{4}{3}\right) \cdot \frac{6}{7} + \left(-\frac{3}{2}\right)^5 : \left(-\frac{3}{2}\right)^3;$$

$$c) \left(\frac{1}{2} - \frac{2}{3}\right)^2 + 1\frac{2}{3} : 0,75 - 0,25;$$

$$d) \left(\frac{7}{8} - \frac{3}{4}\right) \cdot 1\frac{1}{3} - \frac{2}{7} \cdot (0,5)^2;$$

$$e) \left(\frac{1}{2} - \frac{3}{5}\right) + \left(\frac{-1}{2}\right)^3 - \frac{1}{10} + \frac{1}{8};$$

$$f) \left(\frac{-3}{4} + \frac{1}{2}\right)^2 - \frac{1}{16} + \left(\frac{-2011}{2012}\right)^0.$$

Bài 3. Tính giá trị của các biểu thức sau:

$$a) M = 2^3 + 3\left(\frac{1}{9}\right)^0 - \frac{1}{2^2} \cdot 4 + \left[(-2)^2 : \frac{1}{2}\right] \cdot 8;$$

$$b) N = \left(\frac{-2}{3}\right)^3 : \left(\frac{-2}{3}\right)^2 + \frac{2^{40} \cdot 3^{29}}{8^{13} \cdot 9^{15}}.$$

Dạng 2: Tìm x

Bài 1. Tìm các số hữu tỉ x, biết:

$$a) \frac{2}{3}x + \frac{5}{7} = \frac{3}{10};$$

$$b) \frac{2}{3} : x + \frac{1}{3} = -7;$$

$$c) \frac{1}{2}x - 2 = 2x + 1;$$

$$d) \frac{3}{7} + \frac{1}{7} : x = \frac{3}{14};$$

$$e) \frac{2}{3}x - \frac{1}{2} = \left(\frac{-2}{3}\right)^2;$$

$$f) \frac{5}{2}x - \frac{1}{3}x + 2 = \frac{3}{2};$$

$$g) \frac{1}{2} - \frac{1}{2}(2x - 1)^2 = \frac{3}{8};$$

$$h) \left(\frac{1}{2} - x\right)^2 = (-2)^2;$$

$$i) \left(x - \frac{2}{9}\right)^3 = \left(\frac{2}{3}\right)^6;$$

$$k) (2x - 3)\left(\frac{3}{4}x + 1\right) = 0;$$

$$l) (5x - 1)\left(2x - \frac{1}{3}\right) = 0.$$

Bài 2. Tìm x, biết:

$$a) (x - 3)^4 = 16;$$

$$b) (x - 2013)^{2014} = 1;$$

$$c) 5^{x+2} = 25;$$

$$d) 2^x + 2^{x+3} = 144;$$

$$e) \frac{1}{2} \cdot 2^x + 4 \cdot 2^x = 9 \cdot 2^5;$$

$$h) (3x+3)^2 + (4x^2-4)^4 = 0.$$

Dạng 3: Toán thực tế

Bài 1. Nhân dịp khai trương, cửa hàng thời trang bán giảm giá tất cả các mặt hàng 20%. Bạn Hạnh dự định mua 2 cái áo giá 200000 đồng 1 cái và 3 cái quần giá 300000 đồng 1 cái. Tính số tiền bạn Hạnh phải trả cho cửa hàng?

Bài 2. Bảng viết phần chống loa được sản xuất bằng mặt thép từ tính sơn tĩnh điện màu xanh có kích thước: cao 120 cm, dài 270 cm (tính luôn khung). Tính giá tiền tấm bảng chống loa trên, biết giá tiền 1m² thép từ tính sơn tĩnh điện bằng 625000 đồng (đã tính luôn tiền khung).

Bài 3. Ông Phú gửi tiết kiệm 100 triệu đồng tại một ngân hàng với kì hạn một năm, lãi suất 5% một năm. Hết thời hạn một năm, tiền lãi gộp vào số tiền gửi ban đầu và lại gửi theo thể thức cũ. Cứ như thế sau hai năm thì số tiền cả gốc lẫn lãi là bao nhiêu?

Bài 4. Anh Nghĩa mua một đôi giày đang được giảm giá 15% vào đúng ngày sinh nhật của mình nên anh ấy được cửa hàng giảm thêm 80000 đồng nữa. Do đó số tiền anh Nghĩa phải trả cho đôi giày là 8975000 đồng. Tính giá niêm yết của đôi giày lúc chưa được giảm giá.

2. Hình học

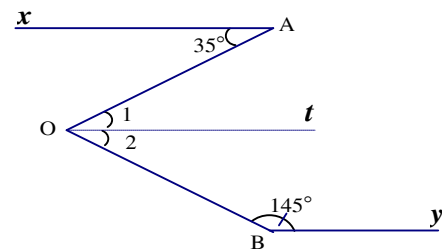
Bài 1. Cho các hình vẽ sau:

a) Chứng minh: $AB \parallel CD$	b) Chứng minh: $EF \parallel SD$	c) Chứng minh: $HK \parallel CT$

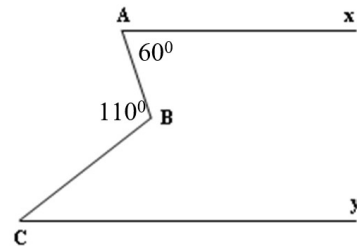
Bài 3: Cho các hình vẽ sau:

a) Chứng minh: $a \parallel b$ b) Tính số đo của góc M_1	a) Chứng minh: $x \parallel y$ b) Tính số đo của góc K_1

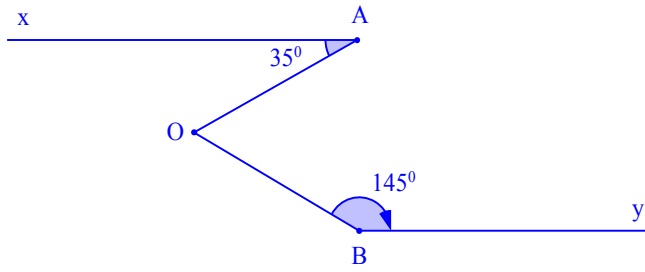
Bài 3. Cho hình vẽ, trong đó: $\widehat{xAO} = 35^\circ$;
 $\widehat{AOB} = 70^\circ$; $\widehat{OBy} = 145^\circ$, Ot là tia phân giác của góc AOB. Hỏi các tia Ax, Ot và By có song song với nhau không? Vì sao?



Bài 4. Cho hình vẽ, biết $\widehat{A} = 60^\circ$;
 $\widehat{ABC} = 110^\circ$; $\widehat{C} = 50^\circ$.
 Chứng minh: $Ax \parallel Cy$.



Bài 5. Cho hình vẽ, biết $Ax \parallel By$; $\widehat{xAO} = 35^\circ$, $\widehat{OBy} = 145^\circ$. Tính \widehat{AOB} .



Bài 6. Cho hai góc kề bù \widehat{xOy} và \widehat{yOz} biết $\widehat{xOy} = 102^\circ$, tia Ot là tia phân giác của \widehat{yOz} . Tính số đo của \widehat{tOz} .

Bài 7. Cho $\widehat{xOy} = 80^\circ$ và tia Oz nằm giữa hai tia Ox, Oy sao cho $\widehat{xOz} = 40^\circ$.

a) Tính số đo \widehat{zOy} ?

b) Chứng tỏ rằng: Tia Oz là tia phân giác của \widehat{xOy} .

c) Vẽ tia Om là tia đối của tia Ox . Tính số đo \widehat{mOz} ?

3. Toán nâng cao (Giành cho HS khá giỏi)

Bài 1. Tìm tất cả các số nguyên x để:

a) $A = \frac{2x-1}{x+5}$ có giá trị là số nguyên;

b) $B = \frac{x-3}{2x}$ có giá trị là số nguyên.

Bài 2. Tìm x, y biết:

a) $(3x-4)^{20} + (3y+5)^{2022} = 0$;

b) $x^2 + \left(y - \frac{1}{10}\right)^4 = 0$;

e) $4 \cdot 3^{x-1} + 2 \cdot 3^{x+2} = 4 \cdot 3^6 + 2 \cdot 3^9$

f) $11 \cdot 6^{x-1} + 2 \cdot 6^{x+1} = 11 \cdot 6^{11} + 2 \cdot 6^{13}$

Bài 3. Chứng minh rằng:

a) $A = 5^{n+2} + 5^{n+1} + 5^n$, (với $n \in \mathbb{N}$) chia hết 31;

b) $B = 3^{n+2} - 2^{n+2} + 3^n - 2^n$, (với $n \in \mathbb{N}^*$) chia hết cho 10.

Bài 4. Biết rằng: $1^2 + 2^2 + \dots + 10^2 = 385$. Tính tổng: $S = 2^2 + 4^2 + \dots + 20^2$

Bài 5. Cho $A = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{3.4} + \frac{1}{5.6} + \dots + \frac{1}{99.100}$. Chứng minh rằng: $\frac{7}{12} < A < \frac{5}{6}$.

Bài 6. Cho hai số hữu tỉ a và b thỏa $a + b = ab = \frac{a}{b}$

1) Chứng minh: $\frac{a}{b} = a - 1$; 2) Chứng minh: $b = -1$; 3) Tìm a .

Bài 7. Chứng đẳng thức: $\frac{1}{1.2} + \frac{1}{3.4} + \frac{1}{5.6} + \dots + \frac{1}{49.50} = \frac{1}{26} + \frac{1}{27} + \frac{1}{28} + \dots + \frac{1}{50}$.

Bài 8. Cho $A = \frac{2}{3^2} + \frac{2}{5^2} + \frac{2}{7^2} + \dots + \frac{2}{2025^2}$. Chứng minh rằng: $A < \frac{506}{1013}$.

CHÚC CÁC CON HOÀN THÀNH TỐT VÀ ĐẠT KẾT QUẢ CAO!

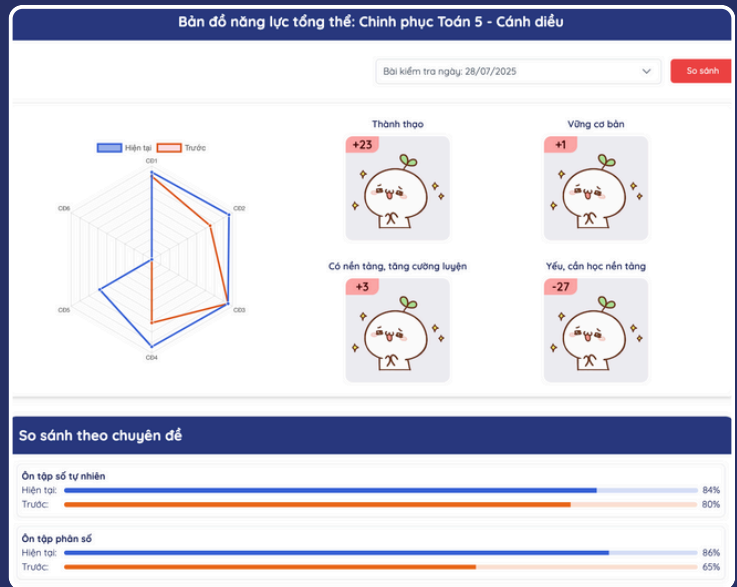
LUYỆN TOÁN THÔNG MINH MATH AI

Chương trình luyện Toán tăng cường tại nhà theo lộ trình cá nhân hóa dành cho học sinh lớp 4 đến lớp 12

Con tiến bộ rõ rệt nhờ 20 phút luyện mỗi ngày cùng Math AI

Tại website navi.edu.vn

Quét mã ngay!



Xin lỗi, câu trả lời chưa chính xác

Có 3 bao đường, bao thứ nhất nặng 42,6 kg; bao thứ hai nặng hơn bao thứ nhất 14,5 kg; bao thứ ba nặng bằng $\frac{3}{5}$ bao thứ hai. Hỏi cả ba bao nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

133 kg 57,1 kg 34,26 kg 133,96 kg

Humm...Xem mình sai ở đâu nào! [Tiếp tục >](#)

[Án phân hồi](#)

Bao thứ hai nặng số ki-lô-gam là: $42,6 + 14,5 = 57,1$ (kg)

Bao thứ ba nặng số ki-lô-gam là: $57,1 \times \frac{3}{5} = 34,26$ (kg)

Ba bao đường nặng số ki-lô-gam là: $42,6 + 57,1 + 34,26 = 133,96$ (kg)

Đáp số: 133,96 kg.

CHINH PHỤC TOÁN 5 - CẢNH ĐIỀU

Các dạng bài bạn cần cải thiện

Tổng cộng có 30 dạng bài yếu - Ưu tiên học sớm để tiến bộ nhanh hơn!

Bạn đã vượt qua 0/30 dạng bài yếu

Các dạng bài đang chờ giải quyết

Viết số thỏa mãn yêu cầu

Đơn vị kiến thức: So sánh các số

Phát hiện: 3 tháng trước

[Luyện ngay](#)

Viết một hoặc nhiều phân số bằng phân số cho trước

Đơn vị kiến thức: So sánh phân số

Phát hiện: 4 tháng trước

[Luyện ngay](#)

Tìm các cặp phân số bằng nhau

Đơn vị kiến thức: So sánh phân số

Phát hiện: 4 tháng trước

[Luyện ngay](#)

Sắp xếp thứ tự được các phân số (dãy không quá 4 phân số)

Đơn vị kiến thức: So sánh phân số

Phát hiện: 4 tháng trước

[Luyện ngay](#)

AI hỗ trợ tức thì ngay khi con gặp khó khăn

Phát hiện kịp thời lỗ hổng kiến thức trong quá trình luyện tập và củng cố kịp thời

Lộ trình học của bạn

Theo dõi tiến trình, thay đổi mục tiêu và chỉnh phục từng kiến thức nhỏ

Mức độ hoàn thành: 74%

Mục tiêu: 55/74 kiến thức

Mục tiêu Cơ bản | Mục tiêu Toàn diện

Mục tiêu: **Cơ bản**

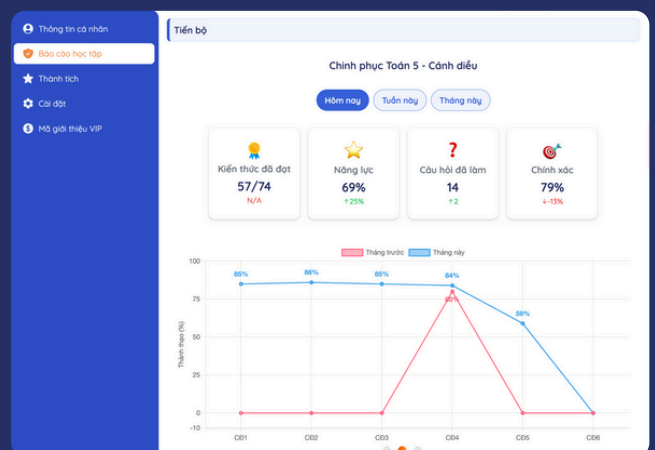
Mục tiêu Cơ bản giúp học sinh tập trung rèn luyện và đạt mục tiêu học tập ở mức nắm vững các kiến thức căn bản, làm được các bài ở mức nhớ, hiểu và vận dụng kiến thức căn bản, phù hợp với học sinh có học lực trung bình khá trở xuống. Học sinh trung bình khá trở xuống nên giữ và chỉnh phục mục tiêu này để xây chắc nền tảng khi chuyển sang mục tiêu toàn diện để đạt ghe.

Lộ trình của bạn

Các kiến thức bạn cần hoàn thành theo mục tiêu đã chọn

Lọc: Chưa hoàn thành

Hỗn số	Ôn tập phân số	1%	Luyện
Phương cộng số thập phân	Các phép tính với số thập phân	71%	Luyện
Hình thang	Hình học và Đo lường	30%	Luyện



Xây dựng lộ trình cá nhân hoá phù hợp với năng lực, mục tiêu của con

Báo cáo cập nhật liên tục, dễ dàng nắm bắt tình hình luyện tập của con